

Lớp Quản lý kinh tế 52A

Nhóm 8:

1. Nguyễn Quỳnh Anh
2. Đặng Tuấn Huy
3. Nguyễn Hà Quỳnh Hoa
4. Cao Minh Nghĩa
5. Vũ Trung Kiên
6. Nguyễn Sơn Tùng

Bài tập môn Chiến lược và kế hoạch phát triển Kinh tế xã hội

Câu hỏi: Thiết kế hệ thống câu hỏi cho các tiêu chí đánh giá về hòa nhập xã hội trong chính sách xã hội

LÝ LUẬN CHUNG

1. Khái niệm

Hòa nhập xã hội là quá trình đảm bảo rằng những người có nguy cơ đói nghèo và những người thuộc diện “tách biệt xã hội” được nhận những cơ hội và nguồn lực cần thiết để tham gia đầy đủ vào đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa và tận hưởng một tiêu chuẩn sống hạnh phúc trong xã hội mà họ đang sống. Ngoài qua, hòa nhập xã hội tức là đảm bảo cho họ có thể tham gia vào quá trình ra quyết định và thực hiện những quyền cơ bản của họ. (*Employment social affairs- European Commission- Joint report on social inclusion 2004*)

2. Các tiêu chí đánh giá hòa nhập xã hội

2.1. Đánh giá về kinh tế

Để đánh giá sự hòa nhập xã hội trên phương diện kinh tế, nhóm đã chọn thước đo thu nhập bình quân của mỗi hộ gia đình bởi vì thu nhập phản ánh mức sống của từng hộ gia đình. Nếu hộ gia đình có mức thu nhập thấp (xếp vào hộ nghèo hoặc cận nghèo) thường có nguy cơ bị tách biệt xã hội cao. Vì vậy đánh giá về mức thu nhập giúp chúng ta có thể nhận biết được những đối tượng có khả năng bị tách biệt xã hội cao để từ đó có chính sách thích hợp giúp họ hòa nhập xã hội.

Cụ thể như sau, theo **Điều 1, Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015:**

1. Hộ nghèo ở nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân từ 400.000 đồng/người/tháng (từ 4.800.000 đồng/người/năm) trở xuống.
2. Hộ nghèo ở thành thị là hộ có mức thu nhập bình quân từ 500.000 đồng/người/tháng (từ 6.000.000 đồng/người/năm) trở xuống.
3. Hộ cận nghèo ở nông thôn là hộ có mức thu nhập bình quân từ 401.000 đồng đến 520.000 đồng/người/tháng.
4. Hộ cận nghèo ở thành thị là hộ có mức thu nhập bình quân từ 501.000 đồng đến 650.000 đồng/người/tháng.

Trong bảng hỏi, nhóm điều tra với đối tượng là dân cư nông thôn, vì vậy xác định mức chuẩn hộ nghèo với thu nhập bình quân từ 400.000 đồng/người/tháng (từ 4.800.000 đồng/người/năm) trở xuống, hộ cận nghèo có mức thu nhập bình quân từ 401.000 đồng đến 520.000 đồng/người/tháng.

Ngoài ra, nhóm còn đánh giá việc thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn. Nhóm đã căn cứ vào Quyết định Số: 102/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn. Việc đó sẽ giúp nhóm có đánh giá được hộ gia đình thuộc diện hộ nghèo có được hưởng đúng những tiêu chuẩn như trong chính sách của chính phủ đã đề ra hay không, và đánh giá được khả năng vay vốn của người dân ở ngân hàng chính sách xã hội.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Số: 102/2009/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 07 tháng 08 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH
Về chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2007/NQ-CP ngày 11 tháng 4 năm 2007 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2007;

Xét đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn:

1. Đối tượng hỗ trợ là người dân thuộc hộ nghèo theo chuẩn nghèo của Nhà nước thuộc vùng khó khăn quy định tại Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

2. Mục tiêu của chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn:

a) Hỗ trợ đời sống của người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội ở vùng khó khăn;

b) Hỗ trợ người dân nâng cao năng suất, chất lượng nông sản và từng bước tiếp cận với sản xuất hàng hóa, thông qua hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi có chất lượng cao.

3. Nguyên tắc hỗ trợ: đúng đối tượng, kịp thời; công khai, dân chủ, khách quan và có hiệu quả thiết thực.

Điều 2. Phương thức, hình thức hỗ trợ

1. Phương thức hỗ trợ: hỗ trợ trực tiếp.

2. Hình thức hỗ trợ: hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật

a) Hỗ trợ bằng tiền mặt theo định mức quy định tại Điều 5 Quyết định này để các đối tượng thụ hưởng chính sách chủ động mua sắm nguyên liệu, vật tư phục vụ sản xuất và đời sống phù hợp với thực tế của từng hộ;

b) Hỗ trợ bằng hiện vật cho sản xuất và đời sống của các hộ nghèo; có thể lựa chọn trong danh mục sau: giống cây trồng; giống vật nuôi; thuốc thú y; muối iốt.

3. Căn cứ danh sách người nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã vùng khó khăn lập, xác nhận và các quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hình thức hỗ trợ và danh mục hỗ trợ cho phù hợp với yêu cầu và điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 3. Định mức kinh phí hỗ trợ

1. Đối với người dân thuộc hộ nghèo ở xã khu vực II, xã biên giới, xã bãi ngang, hải đảo vùng khó khăn là 80.000 đồng/người/năm.

2. Đối với người dân thuộc hộ nghèo ở xã khu vực III vùng khó khăn là 100.000 đồng/người/năm.

Điều 4. Nguồn kinh phí

1. Kinh phí hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn được cân đối trong chi thường xuyên của ngân sách địa phương.

2. Riêng năm 2010 thuộc thời kỳ ổn định ngân sách địa phương 2007-2010, vì vậy số kinh phí tăng thêm so với kinh phí thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước cân đối trong ngân sách địa phương trước đây được ngân sách trung ương cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương.

Điều 5. Thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ

Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn quy định tại Quyết định này thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban Dân tộc:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn quy định tại Quyết định này;

b) Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện chính sách của các địa phương về sử dụng nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn theo các quy định hiện hành;

c) Căn cứ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn, đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Ủy ban Dân tộc chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chỉnh định mức kinh phí hỗ trợ cho phù hợp với tình hình thực tế.

2. Bộ Tài chính:

a) Hướng dẫn địa phương trong việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ trực tiếp;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền bố trí kinh phí cho các tỉnh thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp người dân thuộc hộ nghèo vùng khó khăn theo quy định tại Điều 4 Quyết định này;

c) Phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các Bộ, ngành liên quan kiểm tra việc sử dụng kinh phí của địa phương.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

a) Phối hợp với Bộ Tài chính bố trí đủ nguồn vốn thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn từ ngân sách trung ương theo phương thức cân đối trong dự toán ngân sách địa phương;

b) Phối hợp với Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan kiểm tra việc sử dụng kinh phí của các địa phương.

4. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban Dân tộc chỉ đạo thực hiện những nhiệm vụ liên quan được quy định tại Quyết định này.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có xã thuộc vùng khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, tổ chức thực hiện hỗ trợ cho người dân đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng nội dung

hỗ trợ theo quy định tại Quyết định này;

b) Kiểm tra, đánh giá, tổng hợp báo cáo Ủy ban Dân tộc, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn của địa phương theo các quy định hiện hành.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 09 năm 2009.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng

2.2. Đánh giá về văn hóa

Việc thực thi tốt chính sách văn hóa là một cách tiếp cận hữu hiệu để nâng cao mức hòa nhập xã hội của các đối tượng yếu thế trong cộng đồng. Tham gia tích cực trong các hoạt động văn hóa và nghệ thuật cũng có thể là một công cụ quan trọng trong việc giúp đỡ mọi người đang bị cô lập và bị thiệt thòi để đạt được các kỹ năng và sự tự tin. Ngoài ra việc tiếp cận các thông tin thể hiện việc mọi người có nắm được thông tin, chính sách một cách mau chóng, chính xác và kịp thời hay không .

Đánh giá chính sách văn hóa còn phải kể đến sự hiệu quả của các mạng lưới cộng đồng tại địa phương mà đặc biệt là mối liên hệ giữa các thành viên thân thiết trong họ tộc của người dân, đây chính là cộng đồng quan trọng nhất có vai trò to lớn trong việc ngăn chặn loại trừ xã hội, đói nghèo, đối xử bất công trong xã hội.

Bên cạnh đó tham gia vào các hoạt động thể dục thể thao không chỉ nâng cao sức khỏe của người dân mà còn đóng một đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần ngăn chặn các nhóm dễ bị tổn thương trở nên bị cô lập và tăng cường sự tham gia vào các hoạt động tự nguyện và do đó có tác động tích cực về mặt xã hội các cá nhân, các nhóm và các khu vực có hoàn cảnh khó khăn.

Chính vì thế để đánh giá hòa nhập xã hội trên phương diện văn hóa cần quan tâm đến 3 yếu tố chính như sau:

- Việc tiếp cận thông tin xã hội của người dân ở địa phương.
- Ý thức và sự tham gia các hoạt động thể dục thể thao tại địa phương sinh sống của người dân,
- Mô hình hoạt động của mạng lưới cộng đồng tại địa phương.

Đầu tiên việc đánh giá yếu tố văn hóa – xã hội qua việc tiếp cận thông tin xã hội của người dân sẽ đánh giá dựa vào:

- Các phương thức tiếp cận thông tin hàng ngày trong cuộc sống của người dân.
- Mức độ tiếp cận thông tin cuộc sống của người dân.
- Ý thức và đánh giá của người dân về những thông tin mà người dân nhận được qua các hoạt động truyền thông của chính quyền địa phương.(Từ đó so sánh việc tiếp cận thông tin qua các kênh này với việc tiếp cận thông tin qua các kênh khác)

Thứ 2 đánh giá ý thức và sự tham gia các hoạt động thể dục thể thao tại địa phương sinh sống của người dân sẽ dựa vào:

- Đánh giá vai trò của nhà văn hóa của địa phương.
- Mức độ thường xuyên của hoạt động thể dục thể thao mà địa phương tổ chức.
- Mức độ thường xuyên tham gia của người dân đối với các hoạt động thể dục thể thao của địa phương.
- Sự thu hút, lôi cuốn của hoạt động thể dục thể thao đối với người dân.

Thứ 3 đánh giá mô hình hoạt động của mạng lưới cộng đồng tại địa phương, nhóm dựa vào các yếu tố:

- Mức độ tham gia hoạt động xã hội của các cá nhân.
- Các mối liên lạc và mức độ giúp đỡ của các mạng lưới cộng đồng với các cá nhân trong cộng đồng tại địa phương.
- Mối quan hệ giữa các cá nhân trong cộng đồng.
- Đánh giá của các cá nhân về sự quan tâm giúp đỡ của mạng lưới cộng đồng.

Bên cạnh đó, nhóm còn đánh giá việc thực hiện chương trình Xây dựng nông thôn mới, xếp loại hộ dân vào Gia đình văn hóa, địa phương vào Làng văn hóa, Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới, căn cứ vào **điều 4,5,6 THÔNG TƯ Số: 12/2011/TT-BVHTTDL của Bộ VH-TT-DL Quy định chi tiết về tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận Danh hiệu “Gia đình văn hóa”; “Thôn văn hóa”, “Làng văn hóa”, “Áp văn hóa”, “Bản văn hóa”, “Tổ dân phố văn hóa” và tương đương.** Nhóm đã chọn những yếu tố này bởi lẽ một cộng đồng có vững mạnh thì các cá nhân trong cộng đồng đó phải nỗ lực và là các công dân có văn hóa, trong đó bao gồm cả ý thức của những người yếu thế trong xã hội và cả sự giúp đỡ của cộng đồng đối với họ để cùng giúp nhau vươn lên.

2.3. Đánh giá về xã hội

a. Giáo dục

Để đánh giá vấn đề giáo dục tại địa phương, nhóm dựa trên khía cạnh nhu cầu của người dân về số lượng và chất lượng của hệ thống giáo dục. Các vấn đề liên quan đến nhu cầu cơ sở vật chất, quan điểm cá nhân về việc đánh giá chất lượng giáo dục (giáo viên, thiết bị...) và tầm ảnh hưởng của nhà trường đến con em người dân.

Ngoài ra nhóm còn dựa vào khả năng tài chính của người dân có thể chấp nhận được mức chi phí để đầu tư cho con em học tập không chỉ tại thời điểm hiện tại mà còn suốt quá trình cho đến khi hoàn thành đủ 3 bậc học.

Nhóm dựa trên những tiêu chí này vì một số lý do sau:

- Việc đáp ứng nhu cầu học tập cho trẻ em là vô cùng cần thiết, trong khi đó, ở nhiều địa phương, chất lượng giáo dục không được đảm bảo khiến cho việc học tập của trẻ em bị gián đoạn hoặc kém hơn so với các địa phương khác.
- Tại nhiều vùng, địa phương, người dân chưa ý thức được tầm quan trọng của việc học tập đối với tương lai con em mình nên còn e ngại trong việc đầu tư cho con em đi học. Thay vào

đó, họ cho rằng chỉ cần học đủ để biết chữ và tính toán, quan trọng hơn là việc đi làm để tăng thêm thu nhập cho gia đình.

b. Y tế

Để đánh giá hòa nhập xã hội trên khía cạnh y tế tại địa phương, nhóm dựa trên những tiêu chí sau: Chất lượng y tế (hệ thống CSVN, hệ thống y bác sĩ, bệnh viện...) tại địa phương có đạt tiêu chuẩn hay không, khả năng tự chi trả cho việc khám chữa bệnh của người dân, chi phí khám chữa bệnh tại cơ sở y tế địa phương, ý thức của người dân về việc bảo vệ sức khỏe cho bản thân và người trong gia đình (khám chữa bệnh định kỳ)..

Nhóm dựa trên những tiêu chí này vì một số lý do sau:

- Sức khỏe là yếu tố quan trọng trong đời sống mỗi người. Tuy nhiên, để có thể tự đảm bảo sức khỏe cho bản thân và người nhà, người dân tại nhiều địa phương vẫn thờ ơ và coi thường việc khám chữa bệnh.
- Bên cạnh đó, tại nhiều bệnh viện, cơ sở y tế, chất lượng khám chữa bệnh còn yếu kém, cả về nhân lực và vật lực khiến cho người dân còn tâm lý e dè không muốn đến khám.
- Vấn đề BHYT luôn được đặt lên hàng đầu trong ngành y tế. Có BHYT là 1 trong những yếu tố quan trọng giúp người lao động thuận lợi hơn trong việc khám chữa bệnh.

c. Việc làm

Để đánh giá về hòa nhập xã hội trên phương diện việc làm, nhóm đã dựa trên các phương diện: số người thất nghiệp trong 1 gia đình, chế độ hưởng trợ cấp thất nghiệp, các chính sách hỗ trợ tạo điều kiện công ăn việc làm cho người dân.

Khi người dân bị mất việc làm hoặc thất nghiệp tự nguyện, họ sẽ không có nguồn thu nhập, hay thu nhập ít, với vị thế kinh tế như vậy và tiếng nói không còn trọng lượng họ rất dễ là đối tượng bị tách biệt xã hội.

Ngoài ra, các tiêu chí còn lại là nhằm đánh giá các chính sách của chính quyền hướng đến đối tượng này, như mức trợ cấp hay tạo điều kiện thuận lợi để người dân có thể tham gia thị trường lao động. Dựa trên những tiêu chí này có thể biết được nhu cầu thực tế của người dân để nhằm hoàn thiện các chính sách, đem lại phúc lợi cao nhất.

Nhóm còn đánh giá việc những hộ dân thuộc diện bị thu hồi đất nông nghiệp có được hưởng chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề không, căn cứ vào **Quyết định Số: 52/2012/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ Về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
Số: 52/2012/QĐ-TTg

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Hà Nội, ngày 16 tháng 11 năm
2012*

QUYẾT ĐỊNH

Về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ ban hành quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về chính sách hỗ trợ giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp,

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định chính sách giải quyết việc làm, đào tạo nghề cho người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp trên phạm vi cả nước khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ ban hành quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư (sau đây gọi tắt là Nghị định số 69/2009/NĐ-CP).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động thuộc các hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp mà không có đất để bồi thường (sau đây gọi là người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp) có đủ các điều kiện sau:

- a) Có hộ khẩu thường trú tại hộ gia đình có đất nông nghiệp bị thu hồi;
- b) Trong độ tuổi lao động;
- c) Có nhu cầu học nghề, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm, vay vốn tạo việc làm.

2. Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp trong khu dân cư, đất vườn, ao không được công nhận là đất ở theo quy định tại Điều 21 và các trường hợp theo quy định tại Khoản 3, Khoản 4 và Khoản 5 Điều 16 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP không thuộc đối tượng áp dụng của Quyết định này.

Điều 3. Thời hạn hỗ trợ

Người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Quyết định này được hưởng chính sách hỗ trợ trong thời hạn 3 năm, kể từ khi có Quyết định thu hồi đất.

Điều 4. Hỗ trợ đào tạo nghề

1. Người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp có nhu cầu đào tạo, học nghề được nhận vào các cơ sở đào tạo nghề và được hỗ trợ chi phí như sau:

- a) Học nghề ngắn hạn (trình độ sơ cấp và dạy nghề dưới 3 tháng) được Nhà nước hỗ trợ chi phí học nghề theo quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Quyết định số 1956/QĐ-TTg);
- b) Học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được Nhà nước trả học phí cho một khóa học. Mức học phí được Nhà nước trả bằng mức thu học phí thực tế của cơ sở đào tạo nhưng tối đa không quá mức trần học phí đối với cơ sở đào tạo nghề trung cấp, cao đẳng công lập theo quy định của pháp luật.

Kinh phí hỗ trợ học nghề trình độ trung cấp, cao đẳng được bố trí từ kinh phí hỗ trợ chuyển đổi nghề nằm trong phương án đào tạo, chuyển đổi nghề và được tính trong tổng kinh phí của dự án đầu tư hoặc phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư được duyệt.

2. Đối với người lao động thuộc hộ gia đình bị thu hồi đất nông nghiệp đồng thời cũng thuộc đối tượng vay vốn theo quy định tại Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên thì được vay vốn tín dụng áp dụng đối với học sinh, sinh viên theo quy định hiện hành.

Điều 5. Hỗ trợ tạo việc làm trong nước

1. Người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp có nhu cầu tìm việc làm được hỗ trợ:

- a) Tư vấn học nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm miễn phí tại các Trung tâm giới thiệu việc làm trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- b) Ưu tiên vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định của pháp luật.

Cơ sở sản xuất kinh doanh nhận nhiều lao động bị thu hồi đất nông nghiệp vào làm việc được hưởng các chính sách ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Hỗ trợ đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

1. Người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài được hỗ trợ như sau:

- a) Hỗ trợ 100% học phí học nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết theo quy định của pháp luật về người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- b) Hỗ trợ 100% chi phí khám sức khỏe, làm hộ chiếu, thị thực và lý lịch tư pháp trước khi đi làm việc ở nước ngoài theo mức quy định hiện hành của Nhà nước;
- c) Hỗ trợ tiền ăn hàng ngày trong thời gian đi học theo mức quy định tại Quyết định số 1956/QĐ-TTg;
- d) Hỗ trợ tiền đi lại 01 lượt đi và về từ nơi cư trú đến nơi học đối với các học viên ở cách địa điểm học trên 15 km theo giá vé thông thường của phương tiện công cộng tại thời điểm thanh toán;
- đ) Được vay vốn với lãi suất ưu đãi từ Ngân hàng Chính sách xã hội để chi trả các chi phí cần thiết để đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài.

Mức cho vay tối đa bằng tổng chi phí cần thiết mà người lao động phải đóng góp theo quy định ghi trên hợp đồng đối với từng thị trường lao động.

Lãi suất cho vay bằng lãi suất cho vay hiện hành với người lao động không thuộc huyện nghèo đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài tại Ngân hàng Chính sách xã hội.

Thời hạn cho vay tối đa bằng thời gian đi lao động ở nước ngoài theo hợp đồng.

2. Kinh phí hỗ trợ cho người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo quy định tại Điểm a, Điểm b, Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này được bố trí từ Quỹ phát triển đất của địa phương theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 34 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP.

3. Người lao động thuộc huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo, khi đi làm việc ở nước ngoài được hưởng các chính sách theo quy định tại Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020.

4. Người lao động được hỗ trợ một lần cho từng nội dung hỗ trợ theo quy định tại Điều này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:

- a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quyết định này;
- b) Tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất nông nghiệp;
- c) Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội giám sát quy trình xác định đối tượng và hướng dẫn người lao động vay vốn.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan:

- a) Bổ sung ngân sách cho Quỹ quốc gia về việc làm;
- b) Cân đối bổ sung nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay tạo việc làm theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 5 Quyết định này và cho vay đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều 6 Quyết định này.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và các Bộ, cơ quan liên quan hướng dẫn cơ chế tài chính thực hiện Quyết định này.

4. Ngân hàng Chính sách xã hội có trách nhiệm:

- a) Xây dựng quy trình, hướng dẫn người lao động vay vốn;
- b) Chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội ở địa phương thực hiện cho vay vốn đối với người lao động bị thu hồi đất nông nghiệp.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- a) Chỉ đạo lập và tổ chức thực hiện phương án đào tạo nghề, tạo việc làm cho lao động bị thu hồi đất nông nghiệp;

b) Hướng dẫn và bố trí kinh phí thực hiện Điểm b Khoản 1 Điều 4 và Khoản 2 Điều 6 Quyết định này;

c) Chỉ đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện và báo cáo hàng năm tình hình đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động bị thu hồi đất nông nghiệp theo yêu cầu của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2013.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Ngân hàng Chính sách xã hội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Dũng

d. Cơ sở hạ tầng

Về khía cạnh cơ sở hạ tầng, nhóm xem xét các tiêu chí về hạ tầng cơ sở cơ bản như điện, nước sạch, truyền thanh...; đường xá, cầu cống; cơ sở vật chất tại các trung tâm y tế.

Đối với các đối tượng dễ bị tách biệt xã hội do điều kiện kinh tế còn nghèo đói, thì các chính sách hướng đến cung cấp cơ sở hạ tầng cơ bản, phục vụ nhu cầu tối thiểu của người dân là vô cùng quan trọng. Các chính sách đã thực sự đem lại cơ hội phát triển cho những đối tượng này hay chưa, có đầu tư để khu vực có thể phát triển kinh tế, giao lưu với các địa phương khác hay chưa, đã quan tâm đến việc chăm sóc sức khỏe cho những đối tượng này... Với các thông tin thu thập được có thể hỗ trợ việc hoàn thiện, điều chỉnh chính sách nhằm tối đa lợi ích mà nhóm đối tượng thụ hưởng chính sách có thể nhận được.

Các câu hỏi nhóm đưa ra dựa trên chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn. Nhóm đánh giá mức độ được thụ hưởng các chính sách trong chương trình của người dân.

Chương trình 135 về hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất cho các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn, bản đặc biệt khó khăn (Trích)

“ b. Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

- Hoàn thiện hệ thống đường giao thông nông thôn, phục vụ sản xuất, kinh doanh, dân sinh
- Hoàn thiện hệ thống các công trình đảm bảo cung cấp điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh
- Hoàn thiện hệ thống các công trình phục vụ nhu cầu về hoạt động văn hóa trên địa bàn gồm: Trạm chuyển tiếp phát thanh xã, nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng xã, thôn, bản.
- Hoàn thiện các công trình để đảm bảo chuẩn hóa trạm y tế
- Hoàn thiện hệ thống công trình đảm bảo chuẩn hóa giáo dục: xây dựng lớp mẫu giáo, tiểu học, nhà trẻ, nhà ở giáo viên, trang bị bàn ghế, điện nước sinh hoạt, công trình phụ
- Cải tạo hệ thống thủy lợi trên địa bàn
- Duy tu bảo dưỡng các công trình cơ sở hạ tầng”

2.4. Đánh giá về chính trị

Khi đánh giá hòa nhập xã hội, nhóm quan tâm đến chính trị trên hai khía cạnh. Một là những người đã từng tách biệt xã hội (đi tù, nghiện, mai dâm...) khi tái hòa nhập cộng đồng có được đối xử bình đẳng như những người khác trên phương diện chính trị hay không. Vì vậy nhóm đã đặt ra các câu hỏi như họ có được tham gia họp thôn, xóm hay không, ý kiến của họ có được coi trọng không, họ có được mọi người trong cùng dòng họ, cùng thôn xóm giúp đỡ trong việc hòa nhập hay không.

Về phương diện thứ hai, nhóm phân tích yếu tố tác động của chính quyền đến các đối tượng tách biệt xã hội. Để biết chính quyền đã có các hoạt động giúp những đối tượng tách biệt hay chưa nhóm quan tâm đến các yếu tố dân chủ trong việc bình bầu hỗ trợ hộ nghèo, hộ hưởng chính sách, các cán bộ có tổ chức các buổi dạy nghề không.

cuu duong than cong. com

cuu duong than cong. com